

Biểu số 6

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 176/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	 Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú
			TMĐT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	4	5	6	7	8	13	14	15	16	17	18	19	20
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI		1.948.103	1.873.380	447.718	447.718	672.990	672.990	1.869.991	690.990	729.900			
B1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		119.419	117.386	10.048	10.048	18.048	18.048	117.386	18.048	51.782	-	-	
B1.2	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		19.300	17.267	9.048	9.048	17.048	17.048	17.267	17.048	219	-	-	
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		19.300	17.267	9.048	9.048	17.048	17.048	17.267	17.048	219	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Mường Chà.	Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	19.300	17.267	9.048	9.048	17.048	17.048	17.267	17.048	219			
B1.3	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH		39.172	39.172	-	-	-	-	39.172	-	19.663	-	-	
I	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		39.172	39.172	-	-	-	-	39.172	-	19.663	-	-	Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
a)	Dự án khởi công mới năm 2024													
1	Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.	1956/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	29.000	29.000			-	-	29.000	-				
2	Dự án hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	1956/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	10.172	10.172			-	-	10.172	-				
B1.4	BAN DÂN TỘC TỈNH		2.400	2.400	500	500	500	500	2.400	500	1.900	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Púng Bon, xã Pa Thơm, huyện Điện Biên	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	2.400	2.400	500	500	500	500	2.400	500	1.900			
B1.5	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		58.547	58.547	500	500	500	500	58.547	500	30.000	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
VI	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		58.547	58.547	500	500	500	500	58.547	500	30.000	-	-	
a)	Dự án khởi công mới năm 2024											-	-	
1	Hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin cấp xã của cấp huyện	Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 3/12/2023	58.547	58.547	500	500	500	500	58.547	500	30.000			
B2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		1.828.684	1.755.994	437.670	437.670	654.942	654.942	1.752.605	672.942	678.118	-		
B2.1	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ		125.048	111.614	39.040	39.040	72.198	72.198	111.614	72.198	26.381	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		6.960	6.960	-	-	-	-	6.960	-	2.435	-		
a)	Nước sinh hoạt tập trung		2.563	2.563	-	-	-	-	2.563	-	2.435			
*	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Công trình nước sạch bản Tà Lặng xã Thanh Minh	Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	1.000	1.000			-	-	1.000	0	950			
2	Nước sinh hoạt Bản Huổi Hẹ, Nà Ngám 1, 2, xã Nà Nhạn	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	1.563	1.563			-	-	1.563	0	1.485			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		4.397	4.397			0	0	4.397	0				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		22.240	21.705	-	-	-	-	21.705	-	15.385			
III.1	Đầu tư CSHT		22.240	21.705	-	-	-	-	21.705	-	15.385			
a)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Kiến cổ phai, kênh mương thủy lợi Na Đồng, xã Pá Khoang	Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.551	2.500			0	0	2.500	0	2.450			
2	Đường bê tông bản Hà, xã Pá Khoang	Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 5/9/2023	2.551	2.500			0	0	2.500	0	2.450			
3	Đường nội bản Co cộm, xã Pá Khoang	Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 2/11/2023	2.181	2.137			0	0	2.137	0	2.100			
4	Đường nội đồng bản Co Muông - Nghịu, xã Pá Khoang	Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 7/11/2023	1.530	1.500			0	0	1.500	0	1.425			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
5	Đường giao thông bản Nghịu, xã Pá Khoang	Quyết định số: 1363/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	3.980	3.900			0	0	3.900	0	1.500			
6	Xây dựng cầu, đường vào trường tiểu học số 01 và trường mầm non số 01 bản Xóm xã Pá Khoang	Quyết định số 1519a/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	6.660	6.660			0	0	6.660	0	3.000			
7	Đường bê tông nội bản Nà Pen 2, xã Nà Nhạn	Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 7/11/2023	2.787	2.509			0	0	2.509	0	2.460			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		90.658	77.759	39.040	39.040	72.198	72.198	77.759	72.198	5.561	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Bổ sung, nâng cấpTrường Tiểu học số 2 Pá Khoang xã Pá Khoang	Quyết định số 3390/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.600	9.520	3787	3787	7.787	7.787	9.520	7.787	1.733			
2	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Võ Nguyên Giáp xã Pá Khoang	Quyết định số 3389/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	14.900	8.868	3540	3540	7.540	7.540	8.868	7.540	1.328			
3	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS xã Nà Tấu	Quyết định số 3206/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	14.900	8.783	3625	3625	8.783	8.783	8.783	8.783	0			
4	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Nà Nhạn xã Nà Nhạn	Quyết định số 3204/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	11.000	10.706	6106	6106	10.106	10.106	10.706	10.106	600			
5	Bổ sung, nâng cấpTrường Tiểu học số 2 Nà Nhạn xã Nà Nhạn	Quyết định số 3391/QĐ- UBND ngày 31/12/2021	9.000	8.735	4435	4435	8.435	8.435	8.735	8.435	300			
6	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Tà Cáng xã Nà Tấu	Quyết định số 3203/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	10.600	10.582	6082	6082	10.082	10.082	10.582	10.082	500			
7	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng	Quyết định số 3207/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	8.658	8.642	4242	4242	8.242	8.242	8.642	8.242	400			
8	Bổ sung, nâng cấp Trường Tiểu học Mường Phăng xã Mường Phăng	Quyết định số 3205/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	12.000	11.923	7223	7223	11.223	11.223	11.923	11.223	700			
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		5.190	5.190	-	-	-	-	5.190	-	3.000	-	-	Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.2	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		116.571	115.632	21.898	21.898	17.198	17.198	115.632	35.198	68.916	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.245	2.245	1.219	1.219	1.219	1.219	2.245	1.219	20			
a)	Nước sinh hoạt tập trung		2.245	2.245	1.219	1.219	1.219	1.219	2.245	1.219	20	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Nước sinh hoạt bản Pom Khoang, xã Thanh Nua	Số 393/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	2.245	2.245	1.219	1.219	1.219	1.219	2.245	1.219	20			Dự án đã hoàn thành
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		13.269	13.269	4.950	4.950	4.950	4.950	13.269	4.950	8.239			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Pa Xa Xá	Số 396/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	13.269	13.269	4.950	4.950	4.950	4.950	13.269	4.950	8.239			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		70.744	69.805	11.029	11.029	11.029	11.029	69.805	11.029	50.864	-		
III.1	Đầu tư CSHT		70.744	69.805	11.029	11.029	11.029	11.029	69.805	11.029	50.864	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Sân nền, đầu tư cơ sở hạ tầng địa điểm mới bản Hời Mỏi xã Pa Thom	Số 397/QĐUBND, ngày 24/3/2023	2.730	2.730	2.529	2.529	2.529	2.529	2.730	2.529	103			
2	Đường từ bản Hẹ 1 đến Bản Na Côm xã Hẹ Muống	Số 400/QĐUBND, ngày 24/3/2023	9.100	9.100	8.500	8.500	8.500	8.500	9.100	8.500	291			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Cấp điện tổng thể bản Pa Xa Xá xã Pa Thom	QĐ số 3439/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	2.500	2.500			0	0	2.500	0	2.260			
2	Đường giao thông nội bản Pa Xa Xá xã Pa Thom	QĐ số 3449/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	11.270	11.270			0	0	11.270	0	9.165			
4	Nước sinh hoạt bản Pa Xa Xá xã Pa Thom	QĐ số 3433/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	2.500	2.500			0	0	2.500	0	2.375			
5	Cấp điện tổng thể bản Xa Cuông xã Pa Thom	QĐ số 3438/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.500	3.500			0	0	3.500	0	3.367			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
6	Thủy lợi Tía Chà Nền, Thủy lợi Huổi Pha Cư, Thủy lợi Huổi Kho Gia bán Sơn Tổng, Thủy lợi Huổi Chanh, xã Na Tông	QĐ số 3570/QĐ-UBND của UBND huyện Điện Biên	8.460	8.460			0	0	8.460	0	5.640			
7	Cầu BTCT giữa bản Na Chén xã Mường Lói	QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	6.500	6.500			0	0	6.500	0	5.000			
8	Cầu BTCT, cầu trần BTCT bản Huổi Không, bản Co Dứa, bản Huổi Chon xã Mường Lói	QĐ số 2845/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	6.500	6.500			0	0	6.500	0	6.242			
9	Làm máng tiêu thoát nước dọc hai bên bờ đường từ nhà ông Chính đến nhà ông Muôn bản Lùn xã Noong Luông	QĐ số 2853/QĐ-UBND ngày 5/10/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.484			
10	Đường nội đồng đoạn từ sân bóng đến ruộng nhà ông Dân bản Ban xã Sam Mứn	QĐ số 98a/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	461	415			0	0	415	0	415			
11	Nâng cấp tuyến mương nước đoạn từ nhà ông Hòa đến ao nhà ông Thường bản Na Lao xã Sam Mứn	QĐ số 121/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	167	150			0	0	150	0	150			
12	Đường nội đồng, đường nghĩa trang bản Na Lao, xã Sam Mứn	QĐ số 110/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1.550	1.395			0	0	1.395	0	1.256			
13	Đường nội thôn bản, bản Phiêng Ban xã Thanh An	QĐ số102/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND xã Thanh An	1.111	1.000			0	0	1.000	0	950			
14	Đường giao thông nội bản Nà Ten, Nà Hỷ, Bản Tầu, bản Xá Nhù, bản Sáng xã Hua Thanh	QĐ số 118/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	4.122	4.040			0	0	4.040	0	4.000			
15	Đường nội thôn bản Hời Hương, Khon Kén xã Mường Nhá	QĐ số 229/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.495	2.245			0	0	2.245	0	2.245			
16	Đường đi nghĩa trang bản Pá Bông xã Núa Ngam	QĐ số 192/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	390	390			0	0	390	0	390			
17	Đường bê tông nội bản On xã Noong Luông	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1.111	1.000			0	0	1.000	0	950			
18	Đường giao thông từ ngã 3 Tin Lán-Huổi Hua lên đầu bản Tin Lán xã Núa Ngam	QĐ số 3198/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	3.110	3.110			0	0	3.110	0	3.081			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
19	Đường nội thôn bản, bản Cha xã Thanh An	QĐ số 124/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1.667	1.500			0	0	1.500	0	1.500			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		7.711	7.711	-	-	0	-	7.711	-	7.661			
a)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2024		7.711	7.711	-	-	0	-	7.711	-	7.661	-		
1	Trường PTDTBT TH xã Mường Pôn	QĐ số 2534/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	3.311	3.311			0	0	3.311	0	3.305			
1	Trường PTDTBT TH xã Hẹ Mường	QĐ số 2535/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	3.600	3.600			0	0	3.600	0	3.565			
1	Trường PTDTBT TH số 1 xã Mường Nhà	QĐ số 2536/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	800	800			0	0	800	0	791			
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		3.602	3.602	-	-	0	-	3.602	-	1.500	-		Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
VI	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		19.000	19.000	4.700	4.700	-	-	19.000	18.000	632	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Điện Sinh hoạt bản Huổi Mòi xã Pa Thơm huyện Điện Biên	Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	19.000	19.000	4.700	4.700			19.000	18.000	632			
B2.3	HUYỆN TUẦN GIẢO		304.497	292.140	104.670	104.670	104.670	104.670	288.240	104.670	115.302	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		14.802	14.062	3.500	3.500	3.500	3.500	14.062	3.500	3.385			
a)	Nước sinh hoạt tập trung		7.247	6.885	3.500	3.500	3.500	3.500	6.885	3.500	3.385	-		
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	NSH trung tâm xã Pú Xí mới	Số 191/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	2900	2755	1.000	1.000	1.000	1.000	2755	1.000	1.755			
2	NHS bản Ten Hon + Thẩm Nậm xã Tênh Phong	Số 153/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	4347	4130	2.500	2.500	2.500	2.500	4130	2.500	1.630			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		7555	7.177			0		7.177					
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		8.822	8.381	-	-	0	-	8.381	-	3.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Dự án bố trí dân cư vùng có nguy cơ thiên tai đến định cư tại khu Á Lênh, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	Số 174/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	8.822	8.381			0	0	8.381	0	3.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		192.381	185.387	60.670	60.670	60.670	60.670	181.487	60.670	68.471	-		
III.1	Đầu tư CSHT		192.381	185.387	60.670	60.670	60.670	60.670	181.487	60.670	68.471	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	KCH kênh nội đồng thủy lợi Chiềng Sinh II	136/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.200	3.040	2000	2000	2.000	2.000	3.040	2.000	1.040			
2	Đường bản Ly Xôm xã Chiềng Sinh	19/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	2.500	2.375	1000	1000	1.000	1.000	2.375	1.000	1.375			
3	Thủy lợi bản Kệt xã Quải Cang	Số 194/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	3.500	3.325	1.500	1.500	1.500	1.500	2.415	1.500	915			
4	Trường THCS Quải Nưa	20/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	5.000	4.750	2000	2000	2.000	2.000	4.750	2.000	2.750			
5	Đường Huổi khạ - Pú Piễn xã Mường Mùn (Giai đoạn 2)	Số 179/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	6.000	5.700	5.000	5.000	5.000	5.000	5.700	5.000	700			
6	Đường + Ngầm bản Co Đũa xã Mường Khong	Số 196/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000	5.700	5.000	5.000	5.000	5.000	5.400	5.000	340			
7	Đường + ngầm bản Khong Nưa xã Mường Khong	Số 178/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.000	3.800	3.000	3.000	3.000	3.000	3.800	3.000	770			
8	Đường vào bản Há Dũa xã Tánh Phông (GĐ2)	Số 177/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	5.500	5.225	2.500	2.500	2.500	2.500	4.890	2.500	2.390			
9	Đường bản Nậm Bay xã Nà Tông	21/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	3.286	3.122	1500	1500	1.500	1.500	3.122	1.500	1.622			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024						0							
1	Đường từ bản Phiềng Hoa -Á Lệnh, xã Phình Sáng	Số 2201a/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	32.000	32.000	7.670	7.670	7.670	7.670	32.000	7.670	10.000			
2	Đường từ bản Nôm đi bản Hua Nạ	Số 180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	13.545	12.868	5.000	5.000	5.000	5.000	12.868	5.000	5.000			
3	Đường từ bản Chăn đi bản Hua Chăn xã Chiềng Đông	Số 181/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900	14.155	6.000	6.000	6.000	6.000	13.365	6.000	5.000			
4	Đường từ ngã ba đi Nà Đăng - bản Trăm Cú xã Ta Mạ	Số 182/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.000	12.350	5.000	5.000	5.000	5.000	12.020	5.000	6.500			
5	Đường từ TT xã Pú Xi - bản Pú Xi 2	Số 183/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.100	9.421	5.000	5.000	5.000	5.000	8.776	5.000	3.000			
6	Đường từ bản Hua Múc III đi bản Thẩm Táng xã Pú Xi (Giai đoạn 1)	Số 184/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	14.900	14.574	8.500	8.500	8.500	8.500	13.984	8.500	4.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
c)	Dự án khởi công mới năm 2024					0								
1	Nhà văn hóa xã Chiềng Sinh	Số 110/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600	3.420			0	0	3.420	0	1.500			
2	Nhà văn hóa bản Bông Ban xã Quải Tó	Số 79/QĐ-UBND, ngày 23/11/2023	2.200	2.090			0	0	2.090	0	1.000			
3	Nhà văn hóa xã Pù Nhung	Số 111/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.300	2.850			0	0	2.850	0	1.500			
4	Nhà văn hóa bản Muồng xã Muồng Thín	Số 114/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.900	1.805			0	0	1.805	0	1.769			
5	Nhà văn hóa bản Hua Sa B xã Tỏa Tình	Số 110/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.450	1.378			0	0	1.378	0	1.300			
6	Điểm trường Mầm non + Tiểu học khu TĐC Á Lệnh xã Phình Sáng	Số 112/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.300	3.135			0	0	3.135	0	1.500			
7	Kiến cổ hoá các điểm trường Mầm non Pá Tong, Co Phát, Co Muồng - trường mầm non Sao Mai	Số 109/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	7.000	6.650			0	0	6.650	0	2.000			
8	Nhà văn hóa xã Nà Tông	Số 113/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.200	3.040			0	0	3.040	0	1.000			
9	Đường bản Huổi Lóng + bãi rác xã Mùn Chung	Số 115/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.100	1.045			0	0	1.045	0	1.000			
10	Nhà văn hóa xã Rạng Đông	Số 175/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	3.600	3.420			0	0	3.420	0	1.000			
11	Nhà văn hóa xã Ta Ma	Số 116/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.000	2.850			0	0	2.850	0	1.500			
12	Nước sinh hoạt bản Chu Lú	Số 105/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	2.900,0	2.900,0			0	0	2.900,0	0	1.500			
13	Nhà văn hóa xã Pú Xi	Số 106/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.500,0	3.500,0			0	0	3.500,0	0	1.500			
14	Đường vào khu dân cư Huổi Máu, xã Muồng Khong	Số 107/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	14.900,0	14.900,0			0	0	14.900	0	5.000			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		83.628	79.446	40.500	40.500	40.500	40.500	79.446	40.500	38.946			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					0								
1	Trường PTDT BT TH Bình Minh	Số 188/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.028	13.326	7.500	7.500	7.500	7.500	13.326	7.500	5.826			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
2	Trường PTDTBT TH Mường Mùn	Số 198/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	10.000	9.500	4.000	4.000	4.000	4.000	9.500	4.000	5.500			
3	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	Số 187/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900	14.155	6.000	6.000	6.000	6.000	14.155	6.000	8.155			
4	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	Số 186/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900	14.155	11.000	11.000	11.000	11.000	14.155	11.000	3.155			
5	Trường PTDTBT TH Nà Tông	Số 189/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.900	14.155	6.000	6.000	6.000	6.000	14.155	6.000	8.155			
6	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	Số 185/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.900	14.155	6.000	6.000	6.000	6.000	14.155	6.000	8.155			
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		4.864	4.864	-	-	0	0	4.864	0	1.500	-		Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.4	HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG		328.082	315.113	48.424	48.424	110.815	110.815	316.113	110.815	100.587	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		8.116	8.116	-	-	0	-	8.116	-	3.750			
a)	Nước sinh hoạt tập trung		3.863	3.863	-	-	-	-	3.863	-	3.750			
*	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Nâng cấp nước sinh hoạt khu tái định cư UBND xã Pu Nhi	Số: 1898/QĐ-UBND Ngày 26/10/2023	1.863	1.863			0	0	1.863	0	1.800			
2	NSH bán Giới B xã Luân Giới	Số: 1901/QĐ-UBND Ngày 26/10/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.950			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		4.253	4.253			0	0	4.253	0				
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		56.671	43.702	-	-	33.391	33.391	47.702	33.391	14.311	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Dự án di chuyển dân bản Tia Đình xuống bản chua Ta xã Tia Đình, huyện Điện Biên Đông	1435/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	40.671	27.702			19.391	19.391	31.702	19.391	12.311			
2	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Mường tình A xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông	1436/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	16.000	16.000			14.000	14.000	16.000	14.000	2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		160.941	160.941	44.124	44.124	59.124	59.124	157.941	59.124	53.061	-		
III.1	Đầu tư CSHT		126.941	126.941	44.124	44.124	44.124	44.124	126.941	44.124	37.111	0	0	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Thủy lợi khu Tia Sua bản Tà Tè xã Nong U	2629/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	6.536	6.536	5.000	5.000	5.000	5.000	6.536	5.000	1.536			
2	Hệ thống điện sinh hoạt các xã Tia Dính (bản Háng Sua, Na Su, Tào La)	2616/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.900	14.900	14.579	14.579	14.579	14.579	14.900	14.579	302			
3	Hệ thống điện sinh hoạt bản Huổi Sông xã Háng Lía	2618/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	8.000	8.000	7.965	7.965	7.965	7.965	8.000	7.965	30			
4	Hệ thống điện sinh hoạt các xã Pù Hồng (bản Nậm Ma, Ao Cá, Mường Ten, Tổng Số)	2617/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.000	14.000	12.112	12.112	12.112	12.112	14.000	12.112	1.867			
5	Đường điện bản Huổi Hịa, xã Xa Dung	1756/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	4.400	4.400	1500	1.500	1.500	1.500	4.400	1.500	2.900			
6	Đường điện bản Háng Tầu, xã Xa Dung	1757/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	4.300	4.300	1.500	1.500	1.500	1.500	4.300	1.500	2.800			
7	Đường điện bản Pù Hồng A, xã Pù Hồng	1755/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	2.176	2.176	1468	1.468	1.468	1.468	2.176	1.468	708			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Hệ thống điện sinh hoạt bản Báng Chộc xã Na Son	Số: 1921/QĐ-UBND Ngày 30/10/2023	4.790	4.790			0	0	4.790	0	2.000			
2	Nâng cấp đường giao thông bản Lọng Chuông - Hơ Cớ xã Na Son	Số: 1973/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	6.360	6.360			0	0	6.360	0	2.000			
3	Nâng cấp đường giao thông bản Pá Chuông - Lọng Chuông xã Na Son (Giai đoạn 2)	số: 1974/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.670	5.670			0	0	5.670	0	2.000			
4	Nâng cấp đường giao thông bản Giới A xã Luân Giới đến bản Háng Lía A xã Háng Lía	Số: 1975/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.545	5.545			0	0	5.545	0	2.000			
5	Nâng cấp đường giao thông từ Na Ngua xã Luân Giới - Chiềng En (huyện Sông Mã)	Số: 1976/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	4.860	4.860			0	0	4.860	0	1.500			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	Thủy lợi Na Trạ bán Giới B xã Luân Giới	Số: 1900/QĐ-UBND Ngày 26/10/2023	1.619	1.619			0	0	1.619	0	1.000			
7	Hệ thống điện sinh hoạt bản Phi Cao xã Phình Giàng	Số: 2030/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	5.000	5.000			0	0	5.000	0	2.000			
8	Đường giao thông Bản Từ Xa B - Bản Trông Sư A xã Phi Nhừ	Số: 2025/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	9.585	9.585			0	0	9.585	0	3.000			
9	Đường bê tông - bản Tia Ghénh A- Tia Ghénh B xã Keo Lôm	Số: 2026/QĐ-UBND Ngày 08 /11/2023	4.675	4.675			0	0	4.675	0	1.500			
10	Đường bê tông vào khu Pà Lâu bán Xa Vua A xã Phình Giàng	Số 2033/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	4.180	4.180			0	0	4.180	0	1.500			
11	Đường bê tông ngã 3 háng Lia đến bản Tào La (Giai đoạn 2)	Số 2034/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	7.425	7.425			0	0	7.425	0	3.000			
12	Nâng cấp đường giao thông Thẩm trâu - Háng Sông Dưới	Số: 1977/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.546	5.546			0	0	5.546	0	1.500			
13	Thủy lợi Huổi Hư bán Pá Pao 2 xã Mường Luân	Số: 1866/QĐ-UBND Ngày 26/10/2023	1.900	1.900			0	0	1.900	0	1.000			
15	Đường bê tông bản Từ Xa B xã Phi Nhừ	Số: 1972/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	1.019	1.019			0	0	1.019	0	968			
16	Đường bê tông bán Huổi Hoa A2 xã Keo Lôm	Số: 2027/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	2.475	2.475			0	0	2.475	0	1.000			
17	Đường bê tông bán Huổi Múa B xã Keo Lôm	Số: 2028/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	1.980	1.980			0	0	1.980	0	1.000			
III.2	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		33.000	33.000	-	-	15.000	15.000	30.000	15.000	15.000			
n)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Nâng cấp đường giao thông Nà Sán - Mường Tinh A,B,C - bản Chóng	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	33.000	33.000			15.000	15.000	30.000	15.000	15.000			
III.4	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN		1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	950			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước Thanh toán nợ XDCB		
a)	Dự án khởi công mới năm 2024					0								
1	Xây mới Chợ Pu Nhi	Số 2035/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		92.194	92.194	4.300	4.300	18.300	18.300	92.194	18.300	26.465	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					0								
1	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Tia Dình, xã Tia Dình	Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 3/11/2021	20.000	20.000	4.300	4.300	18.300	18.300	20.000	18.300	1.690			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024					0								
1	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Pu Nhi	Số 2038/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	5.894	5.894			0	0	5.894	0	2.000			
2	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT THCS Pu Nhi	Số 2039/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	8.000	8.000			0	0	8.000	0	3.000			
3	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Luân Giới	Số: 1978/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.000	5.000			0	0	5.000	0	2.000			
4	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT TH&THCS Mường Luân	Số: 1979/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	5.000	5.000			0	0	5.000	0	1.500			
5	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT TH&THCS Na Son	Số: 1980/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	8.000	8.000			0	0	8.000	0	3.000			
6	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT THCS Nong U	Số 2036/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	6.300	6.300			0	0	6.300	0	2.000			
8	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Phi Nhù	Số: 2029/QĐ-UBND Ngày 08/11/2023	6.000	6.000			0	0	6.000	0	2.000			
9	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Sư Lư	Số: 1981/QĐ-UBND Ngày 03/11/2023	6.000	6.000			0	0	6.000	0	2.000			
10	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Quang Trung	Số 2037/QĐ - UBND ngày 08/11/2023	6.500	6.500			0	0	6.500	0	2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
11	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT Tiểu học Keo Lôm	Số: 2144 /QĐ-UBND Ngày 21/11/2023	7.000	7.000			0	0	7.000	0	3.275			
12	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDTBT THCS Keo Lôm	Số: 2182/QĐ-UBND Ngày 28/11/2023	8.500	8.500			0	0	8.500	0	2.000			
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		10.160	10.160	0	0	0	0	10.160	0	3.000			Dự án được phân bổ chỉ tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.5	HUYỆN MƯỜNG ẢNG		169.984	159.635	32.866	32.866	32.866	32.866	159.636	32.866	89.726	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		28.153	28.153	11.366	11.366	11.366	11.366	28.153	11.366	5.809	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		17.764	17.764	11.366	11.366	11.366	11.366	17.764	11.366	5.809			
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Nước sinh hoạt các bản thuộc trung tâm xã Ảng Càng	Số 4142/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	4.500	4.500	4.000	4.000	4.000	4.000	4.500	4.000	365			
2	Nước sinh hoạt bản Chan II, xã Mường Đăng	Số 2922/QĐ-UBND ngày 14/07/2022	6.000	6.000	4.000	4.000	4.000	4.000	6.000	4.000	1.820			
3	Nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Đăng và các bản lân cận	Số 4144/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	4.464	4.464	3.366	3.366	3.366	3.366	4.464	3.366	964			
*	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Nước sinh hoạt bản Pơ Mu xã Mường Đăng	Số 4098/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.235			
2	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Pủ Cai, xã Ảng Càng	Số 4097/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		10.389	10.389			0	0	10.389	0				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		108.400	98.051	16.500	16.500	16.500	16.500	98.052	16.500	64.420			
III.1	Đầu tư CSHT		69.400	69.400	2.500	2.500	2.500	2.500	69.400	2.500	50.640	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0					-		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	Đường dân sinh bản Mánh Đanh, xã Áng Càng	Số 4145/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	5.000	5.000	2.500	2.500	2.500	2.500	5.000	2.500	2.350			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024						0					-		
1	Đường nội bản Hồng Sọt, xã Áng Càng	Số 4099/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
2	Đường nội bản Hua Nă, xã Áng Càng	Số 4100/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.000			
3	Thủy lợi bản Hua Nặm, xã Áng Càng	Số 4102/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.000			
4	Kênh nội đồng bản Kéo - bản Bính, xã Áng Càng	Số 4137/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	0	1.000			
5	Nhà Văn hóa bản Huổi Súa, xã Áng Càng	Số 4101/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.000			
6	Nhà văn hóa bản Mánh Đanh, xã Áng Càng	Số 4103/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
7	Nhà Văn hóa bản Pôm Ké + Hua Ngưỡng	Số 4104/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
8	Đường nội bản Co Có Đường nội bản Co Có (nhánh 1: Từ ngã ba nhà ông Kỳ đường đi xã Nặm Lịch đến nhà ông Nhân; Nhánh 2: Từ nhà ông Hùng đến nhà ông Thư), xã Áng Tô	Số 4106/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.200	1.200			0	0	1.200	0	1.140			
9	Đường liên bản Pá Cha (Ten) nhà ông Hốp, xã Áng Tô	Số 4138/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.950			
10	Đường nội bản Huổi Chăng, xã Áng Tô	Số 310/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.000			
11	Đường nội bản Cha Cường (khu A đi khu B), xã Áng Tô	Số 4139/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
12	Thủy lợi Nà Nhả Sáy, xã Ảng Tờ	Số 4140/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
13	Nối dài kênh thủy lợi Cha Cuông 1, xã Ảng Tờ	Số 311/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	800	800			0	0	800	0	800			
14	Nhà văn hóa bán Co Có, xã Ảng Tờ	Số 4107/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.200	1.200			0	0	1.200	0	1.140			
15	Nhà văn hóa bán Huổi Hóm, xã Ảng Tờ	Số 309/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
16	Nhà văn hóa bán Huổi Chôn, xã Ảng Tờ	Số 308/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
17	Nhà văn hóa bán Pá Cha, xã Ảng Tờ	Số 4108/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.235			
18	Nhà văn hóa bán Cha Nọ, xã Ảng Tờ	Số 4109/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.250			
19	Nhà văn hóa bán Tọ Nọ, Tọ Cang, xã Ảng Tờ	Số 4110/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
20	Nhà văn hóa bán Bua I, II, xã Ảng Tờ	Số 4111/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
21	Đường sang khu dân cư và sản xuất bán Nong Pom Phai, xã Ngòi Cây	Số 4141/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	0	1.500			
22	Đường đi khu sản xuất bán Nậm Cúm, xã Ngòi Cây	Số 4142/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.000			
23	Đường nội bán Chan III (từ điểm trường tiểu học đến khu dân cư), xã Ngòi Cây	Số 4143/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	0	1.000			
24	Đường nội bán Xuân Ban, xã Ngòi Cây	Số 4144/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.200	1.200			0	0	1.200	0	1.140			
25	Sửa chữa, nâng cấp đập đầu mối thủy lợi Nà Cẩm + Nà Ngòi, xã Ngòi Cây	Số 4145/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
26	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương Nà Tý + Nà Huổi + Nà Tông Nong Sáng, xã Ngòi Cây	Số 165/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.200	1.200			0	0	1.200	0	1.140			
27	Thủy lợi Nà Co Sân bán Cây, xã Ngòi Cây	Số 4165/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.200	1.200			0	0	1.200	0	1.140			
28	Thủy lợi Nà Tông, bán Sáng, xã Ngòi Cây	Số 166/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.200	1.200			0	0	1.200	0	1.140			
29	Nhà Văn hóa bán Ngòi + Xuân Ban, xã Ngòi Cây	Số 4166/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
30	Nhà Văn hóa bán Co Hăm, xã Ngòi Cây	Số 4167/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
31	Nhà Văn hóa bán Nong, xã Ngòi Cây	Số 4168/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.235			
32	Nhà Văn hóa Bán Sáng, xã Ngòi Cây	Số 4169/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.235			
33	Đường liên bản Bản Xuân Lửa - Bán Co Sân, xã Mường Lạn	Số 4170/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.500	2.500			0	0	2.500	0	1.000			
34	Đường liên bản Lạn B - bán Nhộp, xã Mường Lạn	Số 4083/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.000	2.000			0	0	2.000	0	1.950			
35	Đường đi khu sản xuất bán Lạn A, xã Mường Lạn	Số 4084/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	0	1.000			
36	Thủy lợi Nà Nửa Xôm bán Co Muống, xã Mường Lạn	Số 4171/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
37	Nhà Văn Hóa Hua Ná, xã Mường Lạn	Số 4172/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.235			
38	Nhà văn hóa Bán Huổi Ly, xã Mường Lạn	Số 217/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
39	Nhà văn hoá bán Có, xã Mường Lạn	Số 4173/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.235			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
40	Nhà văn hoá bán Pù Cai, xã Áng Cang	Số 4105/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
41	Đường đi khu sản xuất bán Hôn (Đoạn từ nhà ông Chung Phước đến nhà ông Hùng), thị trấn Mường Ảng	Số 4085/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	500	500			0	0	500	0	500			
42	Đường nội bán Hôn (Đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà Ün Bình), thị trấn Mường Ảng	Số 4086/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	950			
43	Mương phai bán Hôn (Đoạn từ đầu cầu đường 27m đến Vòng xuyên đường 42m), thị trấn Mường Ảng	Số 235/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	700	700			0	0	700	0	700			
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		39.000	28.651	14.000	14.000	14.000	14.000	28.651	14.000	13.780			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Đường liên xã từ bản Xuân Ban (xã Ngòi Cây) đến bán Pù Tiu (xã Áng Tô)	Số 4147/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	14.000	8.051	4.000	4.000	4.000	4.000	8.051	4.000	3.800			
2	Nâng cấp đường dân sinh bán Thái, xã Mường Đăng (Đoạn đỉnh đèo Tằng Quái - Bán Thái)	Số 4148/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	5.000	5.000	2.500	2.500	2.500	2.500	5.000	2.500	2.350			
3	Nâng cấp đường Pù Súa - Áng Cang đi bán Huổi Lưóng, xã Năm Lịch	Số 4149/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	10.000	5.600	2.500	2.500	2.500	2.500	5.600	2.500	2.930			
4	Nâng cấp đường từ thị trấn Mường Ảng - xã Áng Nua	Số 4150/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	10.000	10.000	5.000	5.000	5.000	5.000	10.000	5.000	4.700			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đợc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		31.737	31.737	5.000	5.000	5.000	5.000	31.737	5.000	18.697			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Trường PTDTBT Tiểu học Áng Tô	Số 4253/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	11.930	11.930	5.000	5.000	5.000	5.000	11.930	5.000	6.600			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024													
1	Xây dựng phòng học trường THCS Áng Tô	Số 4174/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.800	2.800			0	0	2.800	0	1.500			
2	Xây dựng các hạng mục phụ trợ tại trường PTDTBT Tiểu học Bán Bua, xã Áng Tô	Số 4146/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.100	1.100			0	0	1.100	0	1.045			
3	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Hua Ngụong, xã Áng Cang	Số 4147/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.607	1.607			0	0	1.607	0	1.527			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
4	Xây dựng phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Áng Cang	Số 4175/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	5.500	5.500			0	0	5.500	0	2.000			
5	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Áng Cang	Số 4148/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.425			
6	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại điểm trường bản Hồng Sọt thuộc trường Tiểu học Áng Cang	Số 4087/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	500	500			0	0	500	0	500			
7	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại điểm trường bản Huổi Sĩa thuộc trường Tiểu học Áng Cang	Số 4088/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	500	500			0	0	500	0	500			
8	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại điểm trường bản Pú Khô thuộc trường Tiểu học Hua Nguồng, xã Áng Cang	Số 4089/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	500	500			0	0	500	0	500			
9	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại điểm trường bản Hua Nặm thuộc trường Tiểu học Hua Nguồng, xã Áng Cang	Số 4090/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	500	500			0	0	500	0	500			
10	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ điểm trường tiểu học bản Hồng Sọt, xã Búng Lao	Số 4091/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	500	500			0	0	500	0	500			
11	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ điểm trường tiểu học bản Huổi Cầm, xã Búng Lao	Số 4092/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	600	600			0	0	600	0	600			
12	Xây dựng phòng học tại trường THCS Búng Lao	Số 4176/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	4.200	4.200			0	0	4.200	0	1.500			
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		1.694	1.694			0	0	1.694	0	800			Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.6	HUYỆN MUỒNG NHE		134.794	127.579	37.567	37.567	37.567	37.567	127.579	37.567	57.765	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		17.782	17.782	4.000	4.000	4.000	4.000	17.782	4.000	7.795	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		13.292	13.292	4.000	4.000	4.000	4.000	13.292	4.000	7.795	-	-	
a1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Đầu tư mới công trình NSH bản Huổi Lích 1 (nhóm 2)	Số 1341/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.800	3.800	2.000	2.000	2.000	2.000	3.800	2.000	1.700			
2	Đầu tư mới công trình NSH bản Pa Tét	Số 1343/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.500	3.500	2.000	2.000	2.000	2.000	3.500	2.000	1.395			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
a2)	Dự án khởi công mới năm 2024													
1	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bán Huổi Lúm	2135/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.400	1.400			0	0	1.400	0	1.350			
2	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bán Nặm Vi	2134/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.400	1.400			0	0	1.400	0	1.350			
3	Đầu tư mới công trình NSH bán Huổi Cầu	2124/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.192	3.192			0	0	3.192	0	2.000			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		4.490	4.490			0	0	4.490	0				
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		100.428	100.428	33.567	33.567	33.567	33.567	100.428	33.567	45.470	-		
			100.428	100.428	33.567	33.567	33.567	33.567	100.428	33.567	45.470			
III.1	Đầu tư CSHT													
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Đường bê tông nội bán Huổi Lích 2, xã Pá Mý	Số 1344/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.828	5.828	3.000	3.000	3.000	3.000	5.828	3.000	2.650			
2	Đường đến bán Huổi Lích 2, xã Pá Mý	Số 1360/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.000	4.000		3000	3.000	3.000	4.000	3.000	880			
3	Đường đến bán Táng Phon, xã Pá Mý	Số 1351/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.200	3.200	2000	2000	2.000	2.000	3.200	2.000	1.100			
4	Củng cố đường giao thông nội bán Huổi Cha 1, 2, xã Nặm Vi	Số 1345/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	9.600	9.600	4.500	4.500	4.500	4.500	9.600	4.500	4.800			
5	Đường nội bán Xá Quế, xã Chung Chải	Số 1355/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.000	1.000		800	800	800	1.000	800	170			
6	Đường nội bán Húi To, xã Chung Chải	Số 1353/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.000	1.000		800	800	800	1.000	800	170			
7	Đường nội bán Húi To 2, xã Chung Chải	Số 1354/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.000	1.000		800	800	800	1.000	800	170			
8	Nâng cấp đường nội bán Đoàn Kết, xã Chung Chải	Số 1350/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.500	2.500		2000	2.000	2.000	2.500	2.000	425			
9	Đường bê tông nội bán Nặm Vi xã Chung Chải	Số 1349/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.500	2.500		2000	2.000	2.000	2.500	2.000	425			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
10	Đường giao thông Tà Miếu đi Km5+900 đường tuần tra biên giới, xã Sín Thầu	Số 1346/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	12.000	12.000	6.000	6.000	6.000	6.000	12.000	6.000	5.640			
11	Kê bảo vệ dân cư bản Pa Ma xã Sen Thượng	Số 1347/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.000	5.000	2.500	2.500	2.500	2.500	5.000	2.500	2.350			
12	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Co Lót, bản Co Lót 1, bản Huổi Cọ, bản Huổi Ban, xã Mường Nhé	Số 1352/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.200	3.200	2.100	2.100	2.100	2.100	3.200	2.100	1.000			
13	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Huổi Đanh, bản Nặm Pan, bản Nặm Hà, xã Mường Toong	Số 1348/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.400	2.400	2.067	2.067	2.067	2.067	2.400	2.067	260			
14	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Huổi Khon 1, bản Huổi Khon 2, bản Huổi Hết, xã Nặm Kè	Số 1359/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.400	2.400	2.000	2.000	2.000	2.000	2.400	2.000	330			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024													
1	Đường đến bản Huổi Lụ 1, xã Pá Mý	2125/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	6.400	6.400			0	0	6.400	-	2.000			
2	Đường đến bản Huổi Lụ 3, xã Pá Mý	2122 /QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.000	9.000			0	0	9.000	-	3.000			
3	Đường bê tông nội bản Pá Mý 2, xã Pá Mý	2123/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	-	1.500			
4	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Tăng Phon, bản Huổi Lịch 1, bản Huổi Lịch 2, xã Pá Mý	2141/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	-	1.000			
5	Cứng hóa đường giao thông nội bản Nặm Vi xã Nặm Vi	2126/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.800	1.800			0	0	1.800	-	1.750			
6	Đường nội bản Pá Lũng, xã Chung Chải	2140/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	-	950			
7	Đường ra khu sản xuất bản Đoàn Kết, xã Chung Chải	2127/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	-	1.500			
8	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Sí Ma 2, bản Pá Lũng, bản Hua Sín, xã Chung Chải	2128/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	-	1.000			
9	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Cây Sặt, bản Nặm Hinh 1 và bản Nặm Hinh 2 xã Huổi Léch	2142/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	-	2.350			
10	Đường ra khu sản xuất bản Trạm Púng, xã Quảng Lăm	2130/QĐ_UBND ngày 15/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	-	1.500			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
11	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Sải Lương, bản Dền Thàng, bản Chà Nọi 1, bản Chà Nọi 2, xã Quảng Lâm	2131/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.200	3.200			0	0	3.200	-	1.500			
12	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Tăng Phon, bản Huổi Láp, bản Trăm Púng, xã Quảng Lâm	2136/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	-	2.350			
13	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Tả Hàng, bản Huổi Pính, bản Ngã Ba, xã Mường Toong	2138/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	-	2.350			
14	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Chuyên Gia1, bản Chuyên Gia 2, bản Chuyên Gia 3, xã Nậm Kè	2132/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.400	2.400			0	0	2.400	-	2.350			
III.4	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN													
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		13.500	6.285	-	-	-	-	6.285	-	3.000	-	-	
a)	Dự án khởi công mới năm 2024													
I	Trường PTDTBT THCS Nậm Vi, xã Nậm Vi	2118 /QĐ-UBND ngày 15/11/2023	13.500	6.285			0	0	6.285	0	3.000			
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		3.084	3.084	0	0	0	0	3.084	0	1.500	0		Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.7	HUYỆN MƯỜNG CHÀ		222.099	215.690	42.651	42.651	106.433	106.433	215.690	106.433	69.886	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		20.682	20.682	2.400	2.400	2.400	2.400	20.682	2.400	6.500			
a)	Nước sinh hoạt tập trung		12.659	12.659	2.400	2.400	2.400	2.400	12.659	2.400	6.500			
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						0							
1	NSH trung tâm xã Mường Mươn	5837; 19/10/2023	3.000	3.000	800	800	800	800	3.000	800	1.500			
2	NSH bản Chiêu Ly, xã Sa Lông	5838; 19/10/2023	4.000	4.000	800	800	800	800	4.000	800	2.000			
3	NSH bản Xã Phình 1+2, xã Sá Tổng	5664; 09/10/2023	5.659	5.659	800	800	800	800	5.659	800	3.000			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		8.023	8.023					8.023					
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		65.071	58.917	-	-	42.266	42.266	58.917	42.266	10.487			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Dự án di chuyển dân cư bản Huổi Thầu Deng, xã Pa Ham (nay là xã Nậm Nền), huyện Mường Chà	Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	30.000	23.846			16.692	16.692	23.846	16.692	4.286			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
2	Dự án di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai tại Bán Huổi Tóong 1, 2 xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	35.071	35.071			25.574	25.574	35.071	25.574	6.201			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		134.942	134.716	39.551	39.551	61.067	61.067	134.716	61.067	52.270	-		
III.1	Đầu tư CSHT		134.942	134.716	39.551	39.551	61.067	61.067	134.716	61.067	52.270	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Thủy lợi và NSH bán Pú Chá, xã Mường Mươn	Số 5041/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	11.000	11.000	7.651	7.651	7.651	7.651	11.000	7.651	3.019			
2	Thủy lợi bán Huổi Nhả, xã Mường Mươn	Số 5046/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.000	6.000	5.000	5.000	5.000	5.000	6.000	5.000	820			
3	Nâng cấp thủy lợi Sa Lông 1, xã Sa Lông	5839; 19/10/2023	4.000	4.000	800	800	800	800	4.000	800	3.080			
4	Thủy lợi Chi Văng Cua Chế bán Sa Lông 2, xã Sa Lông	5828; 19/10/2023	5.000	5.000	800	800	800	800	5.000	800	4.050			
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng bán Phong Châu, và công trình phụ trợ, xã Pa Hăm	5045-23/ 11/2022	1.500	1.500	1300	1300	1.300	1.300	1.500	1.300	155			
6	Đường vào bán Ma Lù Thàng 2, xã Huổi Lèng	Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	18.000	18.000			12.516	12.516	18.000	12.516	4.402			
7	Nhà lớp học Tiểu học bán Ma Lù Thàng 2, xã Huổi Lèng	5044-23/ 11/2022	1.200	1.200	1000	1000	1.000	1.000	1.200	1.000	164			
8	Đường vào điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bán Huổi Tóong 1, 2 xã Huổi Lèng	Số 5043/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.800	6.800	3.500	3.500	3.500	3.500	6.800	3.500	3.000			
9	Nước sinh hoạt điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bán Huổi Tóong 1, 2 xã Huổi Lèng	Số 5048/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.300	6.300	2.000	2.000	2.000	2.000	6.300	2.000	4.100			
10	Đường điện sinh hoạt điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bán Huổi Tóong 1, 2 xã Huổi Lèng	Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày	4.000	4.000	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	1.000	2.880			
11	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT THCS Ma Thi Hồ xã Ma Thi Hồ (phòng học, phòng nội trú, phòng chức năng và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường	8.500	8.500	3.700	3.700	8.200	8.200	8.500	8.200	100			
12	Nâng cấp, sửa chữa trường PTDTBT THCS Hừa Ngải, xã Hừa Ngải (phòng học, phòng nội trú, phòng chức năng và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường	9.500	9.500	4.800	4.800	9.300	9.300	9.500	9.300	100			
13	Đường giao thông nội bán Tổ dân phố 10, thị trấn Mường Chà	5833; 19/10/2023	2.264	2.038	700	700	700	700	2.038	700	1.200			
b)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024													
1	Thủy lợi Tổng Sông, bán Lăng Dung, xã Ma Thi Hồ	5840; 19/10/2023	6.000	6.000	900	900	900	900	6.000	900	3.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch					Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước
2	Thủy lợi cụm 1, cụm 2, bản Huổi Lóng, xã Na Sang	5841; 19/10/2023	10.945	10.945	2400	2400	2.400	2.400	10.945	2.400	4.000			
3	Thủy lợi Đê Nụ Trùng, bản Huổi Toóng, xã Huổi Lèng	5836; 19/10/2023	5.500	5.500	800	800	800	800	5.500	800	3.000			
4	Thủy lợi Đê Chờ Chua, bản Phua Di Tóng, xã Hừa Ngải	5829; 19/10/2023	3.000	3.000	800	800	800	800	3.000	800	2.200			
5	Thủy lợi Chung Po Chậu, bản San Súi, xã Hừa Ngải	5830; 19/10/2023	4.000	4.000	600	600	600	600	4.000	600	1.000			
6	Đường từ QL6 (bản Hát Tre, xã Hừa Ngải) – Nhóm Tia Chờ, bản Xá Phình 1, xã Sả Tóng	5832; 19/10/2023	4.933	4.933	800	800	800	800	4.933	800	2.000			
c)	Dự án khởi công mới năm 2024													
1	Đường giao thông bản Huổi Mí 1 - bản Pa Soan 1, xã Huổi Mí	1894/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh Điện Biên	16.500	16.500	1.000	1.000	1.000	1.000	16.500	1.000	10.000			
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		1.403	1.375	700	700	700	700	1.375	700	630			Phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.8	HUYỆN TÀA CHÙA		138.028	137.917	28.223	28.223	42.223	42.223	137.916	42.223	53.065	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		9.589	9.589	-	-	-	-	9.589	-	-	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung													
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		9.589	9.589			0	0	9.589	0				
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		20.022	20.022	650	650	650	650	20.022	650	10.000	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024						0					-	-	
1	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sô, xã Huổi Sô huyện Tàa Chù	1458 ngày 11/9/2023	20.022	20.022	650	650	650	650	20.022	650	10.000			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		69.329	69.218	10.641	10.641	10.641	10.641	69.217	10.641	38.127	-	-	
III.1	Đầu tư CSHT		59.829	59.718	7.641	7.641	7.641	7.641	59.717	7.641	35.177	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Đường Nhà Pông Chua đi thôn 3 xã Sinh Phình	2945 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	2996	2996	2.996	2.996	4.000	2.996	1.004			
2	Mở mới tuyến đường từ Dờ Áng Đàng đi thôn Phiêng Páng, xã Sinh Phình	2946 ngày 6/12/2022	3.823	3.823	2110	2110	2.110	2.110	3.823	2.110	1.713			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
3	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Thào A Lữ đến nhà ông Giảng A Hạng, xã Tả Phìn	2947 ngày 06/12/2022	4.335	4.335	2535	2535	2.535	2.535	4.335	2.535	1.800			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024													-
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Huổi só, xã Huổi Só	Số 2940/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	9.373	9.373			0	0	9.373	0	3.000			
2	Cấp nước sinh hoạt bản Huổi só, xã Huổi Só	Số 2941/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.335	2.335			0	0	2.335	0	2.300			
3	Thoát nước thải, vệ sinh môi trường bản Huổi só, xã Huổi Só	Số 2942/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	1.830	1.830			0	0	1.830	0	1.800			
4	Cấp điện sinh hoạt bản Huổi só, xã Huổi Só	Số 2943/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	4.060	4.060			0	0	4.060	0	2.000			
5	Hạ tầng thông tin và truyền thông bản Huổi só, xã Huổi Só	Số 2944/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.280	2.280			0	0	2.280	0	2.200			
6	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Đẻ Tầu (nhánh từ nhà ông Sùng A Xà đến nhà ông Khu), xã Mường Đun	3054/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.500	2.500			0	0	2.500	0	1.500			
7	Đường giao thông nội thôn Tà Huổi Tráng 1, xã Tủa Thàng	3061/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.500	2.500			0	0	2.500	0	1.500			
8	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Tà Huổi Tráng 1 đến cánh đồng thôn Tà Huổi Tráng 2, xã Tủa Thàng	3084/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	1.000	1.000			0	0	1.000	0	1.000			
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội thôn Háng Cu Tầu, xã Trung Thu	3037/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.500	3.500			0	0	3.500	0	1.500			
10	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Bán Hẹ, xã Xá Nhè	3031/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.700	1.700			0	0	1.700	0	1.650			
11	Nâng cấp tuyến đường giao thông công thôn văn hóa thôn 3 đến nhà ông Ly Sáu Thanh, xã Lao Xá Phình	3032/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	0	1.000			
12	Nâng cấp đường từ nhà ông Ly A Dề ra khu sản xuất Táng Tô thôn 1 xã Lao Xá Phình	3072/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	3.000	3.000			0	0	3.000	0	1.000			
13	Nâng cấp tuyến đường từ Đới Khó Sĩ đi Làng Sáng 2, xã Tả Sín Thàng	3079/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.450			
14	Đường nội thôn Pàng Dề A, xã Xá Nhè	3055/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.700	1.700			0	0	1.700	0	1.650			
15	Đường giao thông nội thôn Quyết Tiến, thị trấn Tủa Chùa	3057/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.111	1.000			0	0	1.000	0	1.000			
16	Đường ra khu sản xuất thôn Đẻ Bấu, xã Trung Thu	3034/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.300	1.300			0	0	1.300	0	1.270			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
17	Nâng đường nội thôn Háng Tư Mang, xã Mường Báng	3035/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.470			
18	Công trình thủy lợi thôn Phiêng Bung, xã Mường Báng	3056/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.500	1.500			0	0	1.500	0	1.470			
19	Nâng cấp đường nội thôn Tủa Thàng, từ nhà Ông Giàng sáu Cha, đến nhà ông Thào A Súa xã Tủa Thàng	3036/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.982	1.982			0	0	1.982	0	1.900			
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		9.500	9.500	3.000	3.000	3.000	3.000	9.500	3.000	2.950	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - thôn Háng Lả, xã Sín Chải	2948 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	3000	3000	3.000	3.000	4.000	3.000	950			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Nâng cấp tuyến đường từ Háng Súa đi Tà Dê, xã Tà Sín Thàng	3058/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.500	5.500			0	0	5.500	0	2.000			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		34.898	34.898	16.932	16.932	30.932	30.932	34.898	30.932	3.733			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thàng	Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	12.853	12.853	5.739	5.739	12.739	12.739	12.853	12.739	56			
2	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sính Phình	Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	13.200	13.200	6.093	6.093	13.093	13.093	13.200	13.093	56			
3	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS Lao Xá Phình, xã Lao Xá Phình	2950 ngày 06/12/2022	4.320	4.320	2500	2500	2.500	2.500	4.320	2.500	1.744			
4	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tà Phìn	2951 ngày 06/12/2022	4.525	4.525	2600	2600	2.600	2.600	4.525	2.600	1.877			
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		4.190	4.190	0	0	0	0	4.190	0	1.205			Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.9	HUYỆN NẬM PÔ		279.263	270.356	79.161	79.161	127.802	127.802	269.866	127.802	89.596	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		19.085	19.085	7.000	7.000	7.000	7.000	19.085	7.000	4.500	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		11.500	11.500	7.000	7.000	7.000	7.000	11.500	7.000	4.500	-	-	
a1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Nước sinh hoạt trung tâm xã Nà Hỳ	Số: 2363/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.000	6.000	3.500	3.500	3.500	3.500	6.000	3.500	2.500			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
2.	Nước sinh hoạt Nậm Nhừ 1, trung tâm xã Nậm Nhừ	Số: 2364/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.500	5.500	3.500	3.500	3.500	3.500	5.500	3.500	2.000			
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		7.585	7.585			0	0	7.585	0				
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		-	-			0	0	-	0	0			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		200.905	191.998	59.036	59.036	89.472	89.472	191.508	89.472	69.018	-	-	
III.1	Đầu tư CSHT		160.915	152.008	49.036	49.036	64.972	64.972	152.008	64.972	54.379	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Đường bê tông nội bộ bán Huổi Cơ Đạo, Lai Khoang, Nà Hỳ 1,2 xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	9.000	9.000	2.700	2.700	9.000	9.000	9.000	9.000	0			
2	Đường bê tông liên bản Nà Hỳ 3 - Nà Hỳ 2 xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày	3.000	3.000	900	900	3.000	3.000	3.000	3.000	0			
3	Nâng cấp đường vào bán Huổi Khương xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	10.000	10.000	3.000	3.000	10.000	10.000	10.000	10.000	0			
4	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDTNT THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ	Số 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	26.093	20.000	20.000	20.536	20.536	26.093	20.536	5.557			
5	Cầu qua suối Nậm Khăn, xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 12/3/2023	8.000	8.000	6.000	6.000	6.000	6.000	8.000	6.000	1.760			
6	Nhà văn hoá bán Phi Lĩnh 1.2 xã Si Pa Phìn	2365/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.500	3.500	1736	1736	1.736	1.736	3.500	1.736	1.659			
7	Nhà văn hoá bán Pú Dao, Chề Nhủ, xã Si Pa Phìn	2366/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.300	3.300	1300	1300	1.300	1.300	3.300	1.300	1.901			
8	Nhà văn hóa bán Đệ Tinh 1, 2, xã Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ	2377/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.100	4.100	1600	1600	1.600	1.600	4.100	1.600	2.377			
9	Nhà văn hóa bán Huổi Hoi, Huổi Cơ Đạo, xã Nà Hỳ	2368/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.700	3.700	1400	1400	1.400	1.400	3.700	1.400	2.189			
10	Nhà văn hóa bán Nậm Tắt 1, bản Trên Nương, xã Nà Bàng	2369/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.800	4.800	1900	1900	1.900	1.900	4.800	1.900	2.756			
11	Nhà văn hóa bán Na Cô Sa 1, 2, Pắc A2 xã Na Cô Sa	2370/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.995	4.995	1900	1900	1.900	1.900	4.995	1.900	2.945			
12	Nhà văn hóa bán Nậm Khăn, Nậm Pang xã Nậm Khăn	2371/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.100	4.100	1600	1600	1.600	1.600	4.100	1.600	2.377			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022,2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
13	Nhà văn hóa bán Huổi Văng, Huổi Lòong, xã Nậm Khăn	2372/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.300	3.300	1300	1300	1.300	1.300	3.300	1.300	1.901			
14	Nhà văn hóa bán Nậm Nhữ 3, Huổi Lụ 3, xã Nậm Nhữ	2373/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.500	4.500	1800	1800	1.800	1.800	4.500	1.800	2.565			
15	Nhà văn hóa Bán Nậm Chua 1,3, xã Nậm Nhữ	2374/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.800	4.800	1900	1900	1.900	1.900	4.800	1.900	2.756			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Nhà văn hóa bán Mới 2, xã Chà Cang	2070/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	2.825	2.825			0	0	2.825	0	1.500			
2	Nhà văn hóa bán Mo Công,Mạy Hốc xã Phìn Hồ	2071/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	3.500	3.500			0	0	3.500	0	1.000			
3	Nhà văn hóa bán Lai Khoang, Sam Lang	2072/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	4.250	4.250			0	0	4.250	0	2.000			
4	Nhà văn hóa bán Nà Hỷ 1	2133/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.300	3.300			0	0	3.300	0	1.500			
5	Nhà văn hóa bán Nà Hỷ 3	2134/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.300	3.300			0	0	3.300	0	1.136			
6	Nhà văn hóa bán Nậm Chua 2, Nậm Ngà 1, Nậm Chua 5, xã Nậm Chua	2034/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.900	4.900			0	0	4.900	0	2.000			
7	Nhà văn hóa bán Huổi Đạo, xã Vàng Đán	2035/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.500	2.500			0	0	2.500	0	1.000			
8	Nhà văn hóa bán Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán	2036/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.000	4.000			0	0	4.000	0	2.000			
9	Nhà văn hóa bán Nà Bùng 2,3 xã Nà Bùng	2037/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.300	4.300			0	0	4.300	0	2.000			
10	Nhà văn hóa bán Ngải Thầu 1,2, xã Nà Bùng	2038/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.750	4.750			0	0	4.750	0	2.000			
11	Nhà văn hóa bán Nà Ên, Nà Pầu xã Chà Tở	2066/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	3.900	3.900			0	0	3.900	0	1.500			
12	Nhà văn hóa bán Nà Mười, Hồ Hăng, Hồ He, xã Chà Tở	2067/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	4.745	4.745			0	0	4.745	0	2.000			
13	Nhà văn hóa bán Hồ Càng, Huổi Anh, xã Chà Tở	2068/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	4.050	4.050			0	0	4.050	0	2.000			
14	Nhà văn hoá bán Nà In, Nậm Đích, xã Chà Nưa	2033/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	4.500	4.500			0	0	4.500	0	2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
III.2	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		39.990	39.990	10.000	10.000	24.500	24.500	39.500	24.500	14.639			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
1	Nâng cấp đường Nà Khoa - Nặm Nhừ	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	39.990	39.990	10.000	10.000	24.500	24.500	39.500	24.500	14.639			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		56.650	56.650	12.125	12.125	30.330	30.330	56.650	30.330	14.455	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Trường PTDTBT tiểu học Nà Hỷ số 2, xã Nà Hỷ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	14.400	14.400			10.080	10.080	14.400	10.080	3.955			
2	Trường PTDTBT THCS Na Co Sa, xã Na Co Sa, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	16.250	16.250	8.125	8.125	16.250	16.250	16.250	16.250	0			
3	Trường PTDTBT TH Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	Số 2375/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	7.000	7.000	4.000	4.000	4.000	4.000	7.000	4.000	3.000			
b)	Dự án khởi công mới năm 2024						0							
1	Trường PTDTBT TH Tân Phong , Pa Tân, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.500	5.500			0	0	5.500	0	2.000			
2	Trường PTDTBT TH Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.000	5.000			0	0	5.000	0	2.000			
3	Trường PTDTBT TH Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.000	5.000			0	0	5.000	0	2.000			
4	Trường PTDTBT TH Nặm Nhừ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.500	3.500			0	0	3.500	0	1.500			
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		2.623	2.623	1000	1000	1.000	1.000	2.623	1.000	1.623			Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư
B2.10	THỊ XÃ MƯỜNG LAY		10.319	10.319	3.170	3.170	3.170	3.170	10.319	3.170	6.895	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.504	2.504	670	670	670	670	2.504	670	1.783			
a)	Nước sinh hoạt tập trung		2.504	2.504	670	670	670	670	2.504	670	1.783	-	-	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						0							
1	Hệ thống nước sinh hoạt bản Hồ Nặm Cản xã Lay Nua	QĐ số 1024/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	2.504	2.504	670	670	670	670	2.504	670	1.783			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2024			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		5.426	5.426	2.500	2.500	2.500	2.500	5.426	2.500	2.817	-	-	
III.1	Đầu tư CSHT		5.426	5.426	2.500	2.500	2.500	2.500	5.426	2.500	2.817	-	-	
a)	Dự án hoàn thành năm 2024						0							
1	Đường giao thông lên bản Huổi Mìn, phường Sóng Đà	QĐ số 761/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	5.426	5.426	2.500	2.500	2.500	2.500	5.426	2.500	2.817			
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		2.389	2.389	-	-	-	-	2.389	-	2.294			Dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư